

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn giữa anh Trịnh Xuân Tr và chị
Nguyễn Thị H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiên;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX - ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Xuân Tr, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

1.2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ liên hệ: Thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Nghệ An.

(Anh Tr và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2022, bản tự khai đề ngày 26 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trịnh Xuân Tr trình bày như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 12 tháng 4 năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau cùng bố mẹ anh ở thôn M, xã B. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột do bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp được. Chị H sinh ra và lớn lên ở Nghệ An nên suy nghĩ và lối sống của anh và chị H có nhiều khác biệt. Hai bên thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi chửi nhau. Từ tháng 3 năm 2018, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An sinh sống. Anh và chị H sống ly thân, mỗi người một nơi kể từ thời điểm đó. Bản thân Anh Tr xác định anh và chị H không còn tình cảm, vợ chồng không thể để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Tại thời điểm anh xin ly hôn chị H thì chị H không có thai với anh.

1.2 Về quan hệ con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là Trịnh Hà A, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2015 và Trịnh Minh N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2018. Hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng con hai con chung. Anh đề nghị Tòa án giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con theo nguyện vọng của chị H. Về việc chị H yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/con, anh đồng ý. Hiện anh làm công nhân, thu nhập khoảng 5.5 triệu đồng/tháng; mức thu nhập cụ thể của chị H, anh không nắm được nhưng kể từ năm 2018 đến nay, chị H là người chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con. Các con cũng đang sinh sống và học tập ổn định tại xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An.

1.3 Về quan hệ tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung, cũng không có khoản vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Đơn đề nghị gửi cho Tòa án vào ngày 15 tháng 8 năm 2022, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

2.1 Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị và anh Tr, chị H trình bày như Anh Tr đã trình bày với Tòa án. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Chị H hiện đã đưa các con chung của chị và Anh Tr về xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An sinh sống. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không có khả năng hàn gắn để đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn với anh Tr.

2.2 Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao cả hai con Trịnh Hà A, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2015 và Trịnh Minh N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2018 cho chị nuôi dưỡng. Bản thân chị có đủ điều kiện về mặt kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng hai con. Mặc dù bố mẹ đẻ chị đều không còn nhưng chị có sự hỗ trợ từ phía anh trai và chị dâu chị trong việc chăm sóc các cháu. Chị yêu cầu Anh Tr cấp dưỡng nuôi các con chung số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/con kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

2.3 Về tài sản: Chị và Anh Tr không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H còn trình bày: Hiện chị đang cư trú tại: Thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc Anh Tr khởi kiện xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, Anh Tr có thông báo cho chị biết và chị đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa Anh Tr và chị. Do điều kiện đi lại khó khăn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị vắng mặt chị.

Đối với các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho chị, đề nghị Tòa án gửi theo địa chỉ hiện nay chị đang cư trú. Chị từ chối không nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ từ phía Anh Tr đã giao nộp cho Tòa án.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 03 tháng 8 năm 2022, bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ của anh Tr) trình bày như sau: Sau khi kết hôn, Anh Tr và chị H chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Chị H không tôn trọng chồng và gia đình chồng. Gia đình bà đã bảo ban chị H nhiều lần nhưng chị H không thay đổi. Anh Tr và chị H sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 đến nay. Bản thân bà không mong muốn anh chị ly hôn để các cháu thiếu đi tình cảm của cha mẹ nhưng do hai bên sống ly thân đã lâu, không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Trịnh Hà A và Trịnh Minh N cho chị H nuôi dưỡng. Do Anh Tr thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không có thời gian chăm sóc cho các con; bản thân bà sức khỏe cũng đã yếu, không thể hỗ trợ gì thêm cho anh Tr. Bà được biết chị H có mức thu nhập khá ổn định và có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc các cháu. Anh Tr hằng tháng vẫn gửi số tiền 2.000.000 đồng cho chị H để phụ giúp chị H nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị H không có tài sản chung, không xây dựng kiến thiết được tài sản gì cho gia đình. Anh chị cũng không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Trịnh Xuân Tr và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Trịnh Hà A, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2015 và Trịnh Minh N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2018. Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con Trịnh Hà A và Trịnh Minh N, mỗi con số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), kể từ khi ly hôn đến khi con Hà A và con Minh N đủ 18 tuổi.

+ Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết do Anh Tr và chị H đều không có yêu cầu.

+ Án phí: Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Xuân Tr và chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H hiện sinh sống tại xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An nhưng đã có văn bản thể hiện quan điểm lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư là nơi giải quyết tranh chấp giữa chị và anh Tr. Vì vậy, căn cứ vào căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Xuân Tr và chị Nguyễn Thị H đăng ký tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thiếu sự tôn trọng và thương yêu nhau dẫn đến

cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Văn hóa vùng miền khác biệt cũng ảnh hưởng đến thói quen và quan điểm sống của Anh Tr và chị H. Hai bên không cảm thông, chia sẻ được với nhau nên đã quyết định sống ly thân, mỗi người một nơi từ khoảng tháng 4/2018 đến nay. Kể từ thời điểm đó, anh chị cũng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm. Bản thân Anh Tr và chị H đều xác định: Hai bên không còn tình cảm gì với nhau nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chấm dứt hôn nhân giữa Anh Tr và chị H.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của Anh Tr và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh Tr được ly hôn chị H.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trịnh Hà A, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2015 và Trịnh Minh N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2018. Thực tế, chị H là người nuôi dưỡng và chăm sóc các con từ năm 2018 đến nay. Anh Tr không tranh chấp, cũng không có nguyện vọng xin nuôi con chung. Cháu Trịnh Hà A trình bày nguyện vọng của cháu là tiếp tục được sống cùng chị H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Trịnh Hà A và Trịnh Minh N. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con chung với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/con kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi của chị H, Anh Tr đã tự nguyện đồng ý nên cần chấp nhận.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do chị H và Anh Tr đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Anh Tr và chị H có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn khi cần thiết.

Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 ; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Xuân Tr được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Trịnh Hà A, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2015 và Trịnh Minh N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2018. Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con Trịnh Hà A và Trịnh Minh N, mỗi con số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con Hà A và con Minh N đủ 18 tuổi. Anh Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Tr và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Trịnh Xuân Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, Anh Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư theo biên lai thu số 0001262 ngày 27 tháng 7 năm 2022 được chuyển thành án phí. Án phí cấp dưỡng là 300.000đ, anh Trịnh Xuân Tr phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Trịnh Xuân Tr và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục THA Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện V;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

